

Số: 569/BC-CĐKTNTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
NĂM 2022

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1.1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ

1.1.1. Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT NGUYỄN TRƯỜNG TỘ.

1.1.2. Tên tiếng Anh: NGUYEN TRUONG TO TECHNICAL COLLEGE.

1.1.3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1.4. Địa chỉ trường:

- Trụ sở chính/cơ sở 1: 02 Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM.

- Cơ sở 2: 30 Nguyễn Văn Dung, phường 6, quận Gò Vấp, TP.HCM.

- Cơ sở 3: Khu Đô thị Tây Bắc thành phố, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP.HCM.

1.1.5. Số điện thoại: (028) 38299317; (028) 38223758

1.1.6. Số Fax: 84.028.38299317

1.1.7. Email: ntt@nguyentruongto.edu.vn

1.1.8. Website: www.nguyentruongto.edu.vn

1.1.9. Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1898.

- Năm thành lập Trường CĐ Nghề Nguyễn Trường Tộ: 2011.

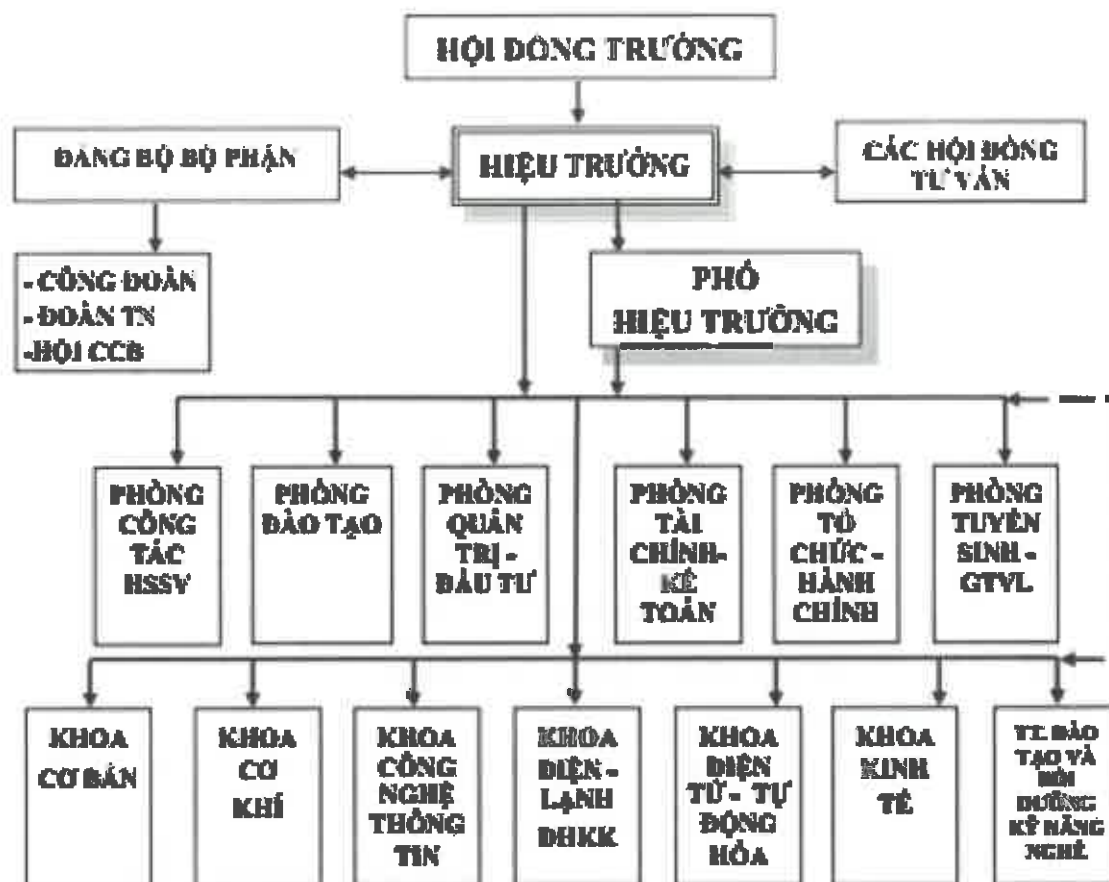
- Năm đổi tên thành Trường CĐ Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ: 2017.

1.1.10. Loại hình trường: Công lập

1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự

1.2.1. Cơ cấu tổ chức





1.2.2. Nhân sự:

Các bộ phận	SL CBQL	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức danh, chức vụ
1. Tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn					
Đảng Bộ bộ phận		Nguyễn Lê Đình Hải	1975	Thạc sỹ	Bí Thư
		Trần Thanh Sơn	1975	Thạc sỹ	Phó Bí thư
		Hoàng Ngọc Kim Anh	1965	Đại học	Đảng ủy viên
		Nguyễn Phú Hữu	1970	Đại học	Đảng ủy viên
		Nguyễn Phú Trọng Hoan	1973	Thạc sỹ	Đảng ủy viên
Công đoàn		Dương Quốc Hùng	1985	Đại học	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên		Phan Thanh Nam	1986	Đại học	Bí thư
2. Ban Giám hiệu	2	Nguyễn Lê Đình Hải	1975	Thạc sỹ	Hiệu Trưởng
		Trần Thanh Sơn	1975	Thạc sỹ	Phó Hiệu Trưởng
3. Lãnh đạo, quản lý các phòng chức năng					
P.CTHSSV	2	Lê Hải Toàn	1965	Đại học	Phó Trưởng phòng (phụ trách phòng)

Các bộ phận	SL CBQL	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức danh, chức vụ
P.ĐT	(2)	Trần Thanh Sơn	1975	Thạc sỹ	Trưởng phòng ¹
P.QT&ĐT	2	Lê Thanh Dũng	1962	Thạc sỹ	Trưởng phòng
P.TC-HC	1	Nguyễn Văn Thái	1973	Đại học	Trưởng phòng
P.TC-KT	1	Trần Thị Minh Hạnh	1975	Đại học	Phó Trưởng phòng (phụ trách phòng)
P.TS>VL	2	Lê Châu Lâm	1964	Đại học	Trưởng phòng
4. Lãnh đạo, quản lý các khoa chuyên môn					
K.CB	1	Lê Thị Na	1969	Thạc sỹ	Trưởng khoa
K.CK	2	Huỳnh Văn Dinh	1964	Thạc sỹ	Trưởng khoa
K.CNTT	1	Phan Tấn Long	1988	Thạc sỹ	Phó trưởng khoa (phụ trách khoa)
K.Đ- LĐHKK	1	Đoàn Thanh Long	1965	Đại học	Trưởng khoa
K.ĐTTĐH	2	Nguyễn Phú Trọng Hoan	1973	Thạc sỹ	Trưởng khoa
K.KT	2	Lê Thị Kim Huệ	1969	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Cộng: 20 Trình độ sau ĐH: 12, ĐH: 08					
5. Trưởng các trung tâm trực thuộc (Trung tâm, Thư viện ...)					
Thư viện (trực thuộc phòng Đào tạo)		Phạm Thị Thanh Bình	1979	ThS	Phụ trách
TT. Đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng nghề	/	/	/	/	/

1.2.3. Số lượng viên chức

Tổng số viên chức của Trường: 78 người/102 biên chế được giao.

- Nam: 47, Nữ: 31

1.2.4. Đội ngũ giảng viên

Tổng số giảng viên của Trường tham gia giảng dạy: 39 người.

- Nam: 27, Nữ: 12;

- Cơ hữu: 35, Thỉnh giảng: 19, CBQL tham gia giảng dạy: 04

Thống kê chi tiết:

¹ Phó Hiệu trưởng kiêm nhiệm

Trình độ	Tiến sĩ	Thạc sĩ	ĐH trở xuống	Cộng
(1) Giảng viên cơ hữu:	0	16	19	35
- Nam	0	11	12	23
- Nữ	0	5	7	12
(2) CBQL tham gia giảng dạy theo quy định:	0	3	1	4
- Nam	0	3	1	4
- Nữ	0	0	0	0
(1+2), nam: 27, nữ: 12	0	19	20	39
(3) Giảng viên thỉnh giảng²:	0	3	16	19
- Nam	0	2	10	12
- Nữ	0	1	6	7
(1+2+3), nam: 39, nữ: 19	0	22	36	58

1.3. Nghề đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh và quy mô đào tạo năm 2022

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Mã ngành, nghề	Tuyển sinh		Khoa phụ trách
				Chỉ tiêu	Kết quả ³	
1	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng	6520121	50	12	Khoa Cơ khí
		Trung cấp	5520102	30	62	
2	Công nghệ ô tô	Cao đẳng	6510216	25	13	Khoa CNTT
		Trung cấp	5510216	25	19	
3	Hàn	Trung cấp	5520123	30	0	Khoa Điện – Lạnh ĐHKK
4	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	6480209	20	2	
		Trung cấp	5480209	20	19	
5	Thiết kế trang Web	Cao đẳng	6480214	20	0	
		Trung cấp	6480214	20	52	
6	Điện công nghiệp	Cao đẳng	6520227	30	1	Khoa Điện – Lạnh ĐHKK
		Trung cấp	5520227	30	45	
7		Cao đẳng	6520205	30	7	

² P.ĐT, tháng 10/2022

³ Tính đến ngày 22/10/2022 (Trình độ cao đẳng có tính cao đẳng liên thông)

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Mã ngành, nghề	Tuyển sinh		Khoa phụ trách
				Chỉ tiêu	Kết quả ³	
	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Trung cấp	5520205	30	38	
8	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng	6520225	90	13	Khoa Điện tử - Tự động hóa
		Trung cấp	5520225	20	67	
9	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Cao đẳng	6480102	20	2	Khoa Kinh tế
		Trung cấp	5480102	30	7	
10	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	6340302	30	2	Khoa Kinh tế
		Trung cấp	5340302	30	42	
11	Kế toán xây dựng	Trung cấp	5340309	30	0	
12	Logistics	Cao đẳng	6340113	35	15	
		Trung cấp	6340113	30	51	
13	Quản trị nhà hàng	Cao đẳng	6810206	25	1	
	Nghiệp vụ nhà hàng	Trung cấp	5810206	25	76	
14	Hướng dẫn du lịch	Cao đẳng	6810103	25	0	
		Trung cấp	5810103	25	5	
Cộng:				775	635	Đạt 81,9%

1.4. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

- Tên bộ phận phụ trách: Phòng Đào tạo.
- Số lượng cán bộ: 07
- Điện thoại: (028) 38223758

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

2.1.1. Đặt vấn đề

Chất lượng trong giáo dục nghề nghiệp được xem là một khái niệm đa chiều, bao gồm tất cả các chức năng và các hoạt động như giảng dạy và chương trình đào tạo, nghiên cứu và học bổng, nhân sự, HS-SV, cơ sở vật chất, thiết bị, các dịch vụ đối với các bên liên quan. Tự đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài, được thực hiện bởi các chuyên gia độc lập là rất cần thiết để nâng cao chất lượng.

Để xây dựng, triển khai, duy trì và cải tiến các cấp độ chất lượng trong giáo dục nghề nghiệp ở một trường cao đẳng cần thiết lập một hệ thống đảm bảo chất lượng, có

quy trình quản lý và đánh giá một cách có hệ thống nhằm giám sát việc thực hiện các hoạt động của Trường.

2.1.2. Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

a) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Quyết định ban hành hệ thống bảo đảm chất lượng hàng năm của Trường CĐKT Nguyễn Trường Tộ.

b) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Xây dựng hệ thống các chính sách, quy trình, công cụ đối với tất cả lĩnh vực, nội dung quản lý của nhà trường, nhằm duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đạt được mục tiêu đề ra.

c) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Hệ thống đảm bảo chất lượng đảm bảo phù hợp mục tiêu đào tạo, thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển của nhà trường.

- Thực hiện đúng theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về công tác xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng.

- Quán triệt, hướng dẫn cho toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên nhận thức đúng về hệ thống bảo đảm chất lượng, bảo đảm hệ thống được xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến theo quy định của cơ quan quản lý GDNN và thực tiễn của nhà trường.

- Quy trình xây dựng đảm bảo: Tính thiết thực, tính hiệu quả, dễ hiểu, dễ áp dụng, dễ kiểm tra, đánh giá và phù hợp với yêu cầu thực tế trong cải tiến công tác quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động của các bộ phận và của nhà trường.

- Khi xây dựng quy trình phải lấy ý kiến đóng góp của các cán bộ quản lý, giảng viên, viên chức toàn trường.

d) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Xây dựng kế hoạch, phân công cho các bộ phận thực hiện việc tổ chức xây dựng, vận hành và đánh giá.

- Tổ chức lấy ý kiến các bộ phận liên quan sau quá trình vận hành hàng năm.

- Cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng, ban hành áp dụng.

2.1.3. Chính sách chất lượng năm học 2021-2022

(Quyết định số 111/QĐ-CĐKTNTT ngày 09/9/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐKT Nguyễn Trường Tộ, v/v ban hành Hệ thống tài liệu BDCL năm học 2021-2022)

1. Tuyển sinh đạt chỉ tiêu đã đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Định kỳ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, chương trình môn học, mô-đun các ngành nghề đào tạo, giáo trình, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Tổ chức thực hiện phương thức đào tạo kết hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp.

4. Nâng cao tỷ lệ học sinh – sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ học sinh – sinh viên (HS-SV) ra trường có việc làm đúng với ngành nghề đào tạo.

5. Hoàn thành kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chương trình đào tạo hằng năm.

6. Xây dựng, cải tiến và vận hành đầy đủ các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng.

7. Thực hiện phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng trong và ngoài nhà trường để tổ chức quản lý HS-SV; tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống, văn nghệ, thể dục thể thao để thu hút HS-SV; nâng cao hiệu quả hoạt động rèn luyện đạo đức cho HS-SV.

8. Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên theo quy định của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 và Thông tư 21/2020/ TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

9. Định kỳ hàng năm bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học.

10. Xây dựng đề án xây dựng mới cơ sở 2 và đầu tư trang thiết bị, nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng quy mô, chất lượng đào tạo.

11. Tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính, công tác thi đua, khen thưởng. Khen thưởng các bộ phận, cá nhân đạt thành tích tốt trong các hoạt động hằng năm.

12. Đẩy mạnh phong trào thực hiện nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm trong toàn trường.

2.1.4. Mục tiêu chất lượng

*** Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng năm học 2021-2022:**

(Quyết định số 111/QĐ-CDKTNTT ngày 09/9/2021 của Hiệu trưởng Trường CDKT Nguyễn Trường Tộ, v/v ban hành Hệ thống tài liệu BDCL năm học 2021-2022)

1. Tuyển sinh đạt chỉ tiêu đăng ký từ 80% trở lên.

Tự đánh giá đạt mục tiêu đặt ra. Đến tháng 12/2022, Trường CDKT Nguyễn Trường Tộ tuyển được 635/775 chỉ tiêu cho phép, đạt tỉ lệ 81,9%.

2. Tổ chức đánh giá chương trình đào tạo các ngành, nghề đang đào tạo theo định kỳ 03 năm.

Đạt mục tiêu đề ra. Năm 2022, Trường đã tổ chức đánh giá, cập nhật và ban hành được 36 CTĐT cho 12 ngành, nghề các trình độ có từ năm 2019; bên cạnh 02 CTĐT trình độ trung cấp, đã xây dựng năm 2019 (Hàn, Kế toán xây dựng).

3. Tổ chức thực hiện phương thức đào tạo kết hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp, mỗi khoa chuyên môn có 01 môn học hoặc 01 mô đun thực hiện đào tạo tại doanh nghiệp.

Tự đánh giá đạt mục tiêu đặt ra. CTĐT các ngành, nghề đang triển khai thực hiện đều có môn Thực tập tốt nghiệp, với thời lượng HS-SV thực tập tại đó khoảng 04 tuần.

4. Học sinh, sinh viên có rèn luyện đạo đức từ trung bình trở lên đạt trên 80%. HS-SV có học lực từ trung bình trở lên đạt trên 80%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp so với số

lượng học sinh, sinh viên (HS-SV) đủ điều kiện dự thi đạt từ 90% trở lên và giới thiệu việc làm cho 100% học sinh – sinh viên tốt nghiệp.

Kết quả đánh giá như sau:

- Rèn luyện đạo đức: đạt mục tiêu, với kết quả 100% từ trung bình trở lên.

- Học lực: không đạt mục tiêu đặt ra, với kết quả 319/514 HS-SV đạt đánh giá kết quả học tập cuối năm học 2021-2022 từ trung bình trở lên (chiếm tỉ lệ 62,06% HS-SV). Lý do nhiều HS-SV đã nghỉ học nhưng chưa hoàn tất thủ tục xóa tên.

- Tỉ lệ HS-SV tốt nghiệp: đạt mục tiêu, với kết quả 113/130 HS-SV đạt yêu cầu tốt nghiệp trong năm học 2021-2022 (chiếm tỉ lệ 86,92% số HS-SV đủ điều kiện dự thi).

- Giới thiệu việc làm sau khi tốt nghiệp: Chưa đánh giá. Lý do HS-SV chưa nhận bằng tốt nghiệp tại thời điểm báo cáo, đồng thời chờ kết quả khảo sát của phòng Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm sau thời gian quy định.

Do mục tiêu này bao hàm nhiều tiêu chí đánh giá, nên khó kết luận tổng hợp.

5. Tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 03 chương trình đào tạo ngành, nghề trọng điểm trình độ cao đẳng.

Đạt mục tiêu đề ra, với số điểm 94/100 (đối với chất lượng cơ sở GDNN) và lần lượt 92/100 (chất lượng CTĐT nghề Cắt gọt kim loại), 88/100 (chất lượng CTĐT nghề Điện tử công nghiệp), 92/100 (chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK).

6. Đánh giá, cải tiến và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định. Triển khai vận hành 100% các quy trình bảo đảm chất lượng đã xây dựng.

Đạt mục tiêu đặt ra. Hệ thống BĐCL vận hành bình thường, 24 quy trình thực hiện ổn định và không có điều chỉnh.

7. Xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, đề thi thực hành cho ít nhất 20% môn học, mô đun của ngành, nghề.

Không đạt mục tiêu trong năm 2022. Do chưa hoàn chỉnh kế hoạch/hướng dẫn chi tiết, thiếu nhân lực và quỹ thời gian triển khai. Cố gắng khắc phục từ cuối năm 2022.

8. 100% HS-SV thuộc diện chế độ chính sách được hướng dẫn và hoàn thành hồ sơ thủ tục theo quy định.

Đạt mục tiêu đề ra theo nội dung Phòng Công tác HS-SV đã hoàn thành nhiệm vụ, với 100% HS-SV thuộc diện chế độ chính sách được hướng dẫn và hoàn thành hồ sơ thủ tục theo quy định

9. 50% giảng viên đạt kỹ năng nghề theo quy định.

Đạt mục tiêu đặt ra. Năm 2022, có 18/23 GV (trừ nhóm nghề kinh tế, dịch vụ) đã có chứng chỉ kỹ năng nghề hoặc tương đương.

10. Định kỳ 01 lần tu sửa, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ dạy học.

Đạt mục tiêu đề ra. Công tác tu sửa, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị, cơ sở vật chất là kế hoạch thường xuyên và định kỳ của phòng Quản trị - Đầu tư và tất cả bộ phận của Trường.

11. 100% viên chức, người lao động hoàn thành nhiệm vụ năm học và đạt lao động tiên tiến trở lên.

Đạt mục tiêu đề ra. Qua thống kê, báo cáo năm học 2021-2022, 100% viên chức của Trường đã đạt từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, và danh hiệu từ lao động tiên tiến trở lên. Có 04 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, được Sở Công Thương công nhận.

12. Mỗi khoa chuyên môn thực hiện 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường hoặc mô hình trợ huấn cụ phục vụ dạy học.

Không đạt yêu cầu. Năm 2020, chỉ có khoa Cơ khí, khoa Điện – Lạnh ĐHKK (2/5 khoa chuyên môn) thực hiện hoàn thành sáng kiến, giải pháp về mô hình giảng dạy thực hành, được Hội đồng Sáng kiến của Trường nghiệm thu.

2.1.5. Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

*** Lĩnh vực quản lý chất lượng:**

- Quản lý Chương trình, giáo trình
- Quản lý học sinh, sinh viên
- Quản lý nhân sự
- Quản lý hoạt động đào tạo
- Quản lý tài chính
- Quản lý cơ sở vật chất
- Quản lý NCKH

*** Quy trình bảo đảm chất lượng (công cụ thực hiện):**

TT	Tên quy trình	Mã hóa quy trình	Bộ phận thực hiện
1	Quy trình Tuyển dụng viên chức	QT01/TCHC	Phòng Tổ chức – Hành chính
2	Quy trình Quy hoạch viên chức	QT02/TCHC	Phòng Tổ chức – Hành chính
3	Quy trình Đào tạo, bồi dưỡng viên chức	QT03/TCHC	Phòng Tổ chức – Hành chính
4	Quy trình Đánh giá, phân loại viên chức	QT04/TCHC	Phòng Tổ chức – Hành chính
5	Quy trình Xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo	QT05/ĐT	Phòng Đào tạo
6	Quy trình Cập nhật chương trình đào tạo	QT06/ĐT	Phòng Đào tạo
7	Quy trình Biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo	QT07/ĐT	Phòng Đào tạo
8	Quy trình Tổ chức thi kết thúc môn học	QT08/ĐT	Phòng Đào tạo
9	Quy trình Tổ chức thi tốt nghiệp	QT09/ĐT	Phòng Đào tạo
10	Quy trình Đánh giá kết quả học tập	QT10/ĐT	Phòng Đào tạo

TT	Tên quy trình	Mã hóa quy trình	Bộ phận thực hiện
11	Quy trình Cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học	QT11/ĐT	Phòng Đào tạo
12	Quy trình Thực hiện sổ lên lớp	QT12/ĐT	Phòng Đào tạo
13	Quy trình Tổ chức hoạt động của thư viện	QT13/ĐT	Phòng Đào tạo
14	Quy trình Tuyển sinh	QT14/TSGTVL	Phòng Tuyển sinh và GTVL
15	Quy trình Theo dõi lần vết học sinh – sinh viên tốt nghiệp	QT15/TSGTVL	Phòng Tuyển sinh và GTVL
16	Quy trình Khảo sát doanh nghiệp	QT16/TSGTVL	Phòng Tuyển sinh và GTVL
17	Quy trình Thực tập tốt nghiệp	QT17/TSGTVL	Phòng Tuyển sinh và GTVL
18	Quy trình Đánh giá rèn luyện học sinh – sinh viên	QT18/CTHSSV	Phòng Công tác học sinh – sinh viên
19	Quy trình Xét khen thưởng học sinh – sinh viên	QT19/CTHSSV	Phòng Công tác học sinh – sinh viên
20	Quy trình Kỷ luật học sinh – sinh viên	QT20/CTHSSV	Phòng Công tác học sinh – sinh viên
21	Quy trình Quản lý, sử dụng, bảo trì, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc	QT21/QTĐT	Phòng Quản trị và Đầu tư
22	Quy trình Mua vật tư	QT22/QTĐT	Phòng Quản trị và Đầu tư
23	Quy trình Cấp phát vật tư	QT23/QTĐT	Phòng Quản trị và Đầu tư
24	Quy trình Quản lý xưởng thực hành/phòng học chuyên môn	QT24/KCM	Khoa chuyên môn

2.1.6. Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

- Trường CDKT Nguyễn Trường Tộ được trang bị hệ thống máy tính đầy đủ tại tất cả các bộ phận, với sự hỗ trợ của hệ thống mạng LAN và mạng Internet, để chia sẻ tài nguyên, thuận lợi cho việc gửi/nhận thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời.

- Các phần mềm quản lý đang áp dụng: Quản lý đào tạo, quản lý công tác HS-SV.

2.2. Đánh giá, cải tiến

2.2.1. Đánh giá

- Tổng số đợt đánh giá: **01** (Kế hoạch số 292/KH-CDKTNTT ngày 18/7/2022 của Trường CDKT Nguyễn Trường Tộ, v/v đánh giá, cải tiến, cập nhật và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2022).

- Tổng số bộ phận thực hiện vận hành, đánh giá và cải tiến (không đáng kể) các nội dung liên quan hệ thống BDCL: **12**.

2.2.2. Cải tiến

*** Lĩnh vực quản lý chất lượng:**

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số nội dung đang vận hành	07	
Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa	00	
Số lượng nội dung được bổ sung	00	
Số lượng nội dung loại bỏ	00	

*** Quy trình bảo đảm chất lượng (công cụ):**

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành	24	
Số lượng quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa	00	
Số lượng quy trình, công cụ được bổ sung	00	
Số lượng quy trình, công cụ loại bỏ	00	

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Ưu điểm:

- Thực hiện đúng theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về công tác xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống BDCL.

- Có được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Ban giám hiệu nhà trường.

- Hệ thống BDCL được góp ý định kỳ, công khai và triển khai vận hành, giúp viên chức toàn Trường nâng cao tính trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ, phấn đấu đạt mục tiêu.

- Thường xuyên tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn.

3.2. Tồn tại, hạn chế:

- Một số lĩnh vực quản lý chất lượng chưa được tổ chức xây dựng quy trình.
- Trong quá trình vận hành hệ thống BĐCL, một số mục tiêu chất lượng không được quan tâm thực hiện đồng bộ. Đồng thời một số quy trình chưa được thực hiện đúng, các biểu mẫu đính kèm quy trình chưa hoàn thiện, còn thiếu.
- Việc cung cấp và khai thác thông tin, dữ liệu dùng chung chưa được chú ý quan tâm, còn thiếu tính hệ thống. Trường chưa triển khai đầy đủ công tác chuyển đổi số.

3.3. Nguyên nhân:

- Chưa có bộ phận chuyên trách về công tác bảo đảm chất lượng (còn ghép chung hoạt động quản lý đào tạo).
- Công tác chuyên môn nhiều, dẫn đến một số bộ phận khi được phân công xây dựng, theo dõi vận hành nội dung hệ thống có liên quan đã chưa chú ý vào mục đích, mức độ quan trọng, tính hiệu quả của hệ thống BĐCL.
- Nguồn kinh phí hoạt động hạn hẹp, cơ sở hạ tầng thông tin chưa được nâng cấp.

3.4. Đề xuất: Không./.

Nơi nhận:

- Tổng cục GDNN (để b/c);
- Sở LĐTĐ&XH TP.HCM (để b/c);
- Sở Công Thương TP.HCM (để b/c);
- Các bộ phận, đoàn thể;
- Lưu: VT, P.ĐT. (K)



Nguyễn Lê Đình Hải